

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2020/DS-ST

Ngày: 30-10-2020

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Dân

2. Ông Trần ĐKhoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 214/2020/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 175/2020/QĐST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân Cần Đ

Địa chỉ: Số 374, tổ 11, ấp Cần Thạnh, xã Cần Đăng, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H – Chủ tịch Hội đồng quản trị theo giấy chứng nhận Đăng ký hợp tác xã số 5207000009 Đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 22 tháng 5 năm 2019. Ông H ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Th – Trưởng kiểm toán nội bộ Quỹ tín dụng nhân dân Cần Đ theo văn bản ủy quyền ngày 14/10/2020. (Bà Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa ngày 29/10/2020)

2. Bị đơn: Bà Hà Thị B, sinh năm: 1980

Ông Cù Tân X, sinh năm: 1974 (chết)

Nơi cư trú: Tổ 13, ấp cần Thới, xã Cần Đăng, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Hà Thị B, sinh năm: 1980

Anh Cù Quốc Th, sinh năm: 1999

Ông Cù Văn Th, sinh năm: 1928

Cùng cư trú: Tổ 13, ấp cần Thới, xã Cần Đ, huyện Châu Th, tỉnh An G.

(Bị đơn, Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 17/02/2020, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh Th trình bày:

Vào ngày 13/8/2019, ông Cù Tân X cùng vợ là bà Hà Thị B có ký Hợp đồng tín dụng số 0435/CĐ2019/HĐTD/QTD.CĐ ngày 13/8/2019 với Quỹ tín dụng nhân dân Cần Đ để vay vốn tại số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng); Thời hạn vay là 08 tháng từ ngày 14/8/2019 đến ngày 14/4/2020; Lãi suất vay trong hạn 16,20%/năm, lãi suất quá hạn 24,30%/năm.

Khi vay thì ông X, bà B có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 0717/17/HĐTC ngày 03/10/2017 và đơn yêu cầu Đk ký thế chấp QSDĐ, tài sản gắn liền với đất quyền số 10, số thứ tự 48 ngày 03/10/2017 tại văn phòng Đk ký đất đai chi nhánh huyện Châu Thành, tỉnh An Giang để thế chấp diện tích đất 336,6m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành W283340, số vào sổ cấp giấy 07060QSDĐ/dG do UBND huyện Châu Thành cấp ngày 16/12/2002 cho hộ ông Cù Tân X.

Trong quá trình vay vốn thì ông X, bà B có nộp lãi đến ngày 13/12/2019 thì ngưng cho đến nay. Đến ngày 21/12/2019 ông X chết theo giấy chứng tử số 1156/TLKT-BS ngày 24/12/2019 Đk ký khai tử tại UBND xã Cần Đăng, huyện Châu Thành, An Giang số 162 ngày 24/12/2019.

Nay Quỹ tín dụng nhân dân Cần Đ yêu cầu bà Hà Thị B (vợ ông X) phải trả nợ một lần số tiền vốn là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), số tiền lãi tạm tính đến ngày 17/02/2020 là 1.154.000đ. Tổng số tiền vốn lãi là 41.154.00đ (Bốn mươi một triệu, một trăm năm mươi bốn ngàn đồng). Đồng thời, yêu cầu bà B có trách nhiệm tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 18/02/2020 trên số dư nợ gốc chưa Th toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 0435/CĐ2019/HĐTD/QTD.CĐ ngày 13/8/2019. Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 0717/17/HĐTC ngày 03/10/2017 để đảm bảo thi hành án.

Tại biên bản hòa giải, biên bản công khai chứng cứ và biên bản lấy lời khai cùng ngày 01/6/2020 bị đơn Hà Thị B trình bày: Thống nhất lời trình bày của đại diện Quỹ tín dụng Cần Đ, bà xác nhận vợ chồng bà có ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản trên để đảm bảo số nợ vay. Trước yêu cầu khởi kiện Quỹ tín dụng, bà đồng ý trả số nợ vốn đã vay. Nhưng xin Quỹ tín dụng xem xét cho bà về tiền lãi suất, không tính lãi và không duy trì hợp đồng thế chấp. Số nợ vốn bà đồng ý trả nợ, nhưng xin trả dần mỗi năm 3.000.000đ cho đến khi dứt số nợ.

Tại biên bản hòa giải, Biên bản công khai chứng cứ và biên bản lấy lời khai cùng ngày 01/6/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Cù Quốc Th cũng đồng ý liên đới trách nhiệm cùng mẹ là bà Hà Thị B trả nợ vốn cho Quỹ tín dụng. Phần lãi suất xin Quỹ tín dụng xem xét không tính lãi vì hoàn cảnh hiện đang gặp khó khăn, không có khả năng trả lãi và không duy trì hợp đồng đã thế chấp, do cha ruột anh là ông X đã chết. Phương thức trả dần mỗi năm 3.000.000đ cho đến khi dứt số nợ vốn vay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cù Văn Th không tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

Đại diện theo ủy quyền nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 29/10/2020 vẫn giữ yêu cầu khởi kiện cụ thể: Yêu cầu bà B(ông X đã chết) trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân Cần Đ số tiền vốn là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng). Lãi trong hạn là 2.325.700đ (Hai triệu, ba trăm hai mươi lăm ngàn, bảy trăm đồng); Lãi quá hạn số tiền là 5.033.100đ (Năm triệu, không trăm ba mươi ba ngàn, một trăm đồng). Tổng số tiền lãi tính đến ngày 30/10/2020 là 7.358.800đ (Bảy triệu, ba trăm năm mươi tám ngàn, tám trăm đồng). Do đó, yêu cầu bà B có trách nhiệm trả cho Quỹ tín dụng tổng số tiền vốn lãi tạm tính đến ngày 30/10/2020 số tiền là 47.358.800đ (Bốn mươi bảy triệu, ba trăm năm mươi tám ngàn, tám trăm đồng). Tiếp tục có trách nhiệm trả tiền lãi phát sinh từ ngày 31/10/2020 trên số dư nợ gốc chưa Th toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 717/2017/HĐTDNT/QTD.CĐ ngày 17/06/2016. Đồng thời, tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0717/17/HĐTC ngày 03/10/2017 giữa Quỹ tín dụng với ông X, bà B để đảm bảo thi hành án.

Bị đơn bà Hà Thị Bé; Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị B(vợ ông X); Cù Quốc Th và ông Cù Văn Th vắng mặt không tham gia phiên tòa không có yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập trong vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

+ Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo bài phát biểu tại phiên tòa

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Tranh chấp giữa Quỹ tín dụng nhân dân Cần Đ với ông Cù Tân X (chết), bà Hà Thị B là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng thế chấp tài sản. Quỹ tín dụng có đăng ký kinh doanh, bà B không đăng ký kinh doanh đây là vụ án dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

1.2 Người tham gia tố tụng trong vụ án: Ông Cù Tân X chết căn cứ trích lục số 1156/TLKT-BS ngày 24/12/2019 Đăng khai tử tại UBND xã Cần Đăng, huyện Châu Thành, An Giang số 162 ngày 24/12/2019. Vụ án phát sinh người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án về thực hiện nghĩa vụ tài sản do ông X (người chết) để lại theo quy định tại Điều 615 BLDS năm 2015 và Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.3 Về thủ tục ủy quyền: ông Nguyễn Văn H ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Thanh Th theo văn bản ủy quyền ngày 14/10/2020. Việc ủy quyền này phù hợp với quy định tại Điều 562 Bộ luật dân sự 2015. Bà Th tham gia tố tụng với tư cách người đại diện theo ủy quyền được quy định tại khoản 4 Điều 85 và khoản 2 Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên được HĐXX xem xét chấp nhận

1.4 Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Đại diện theo ủy quyền nguyên đơn bà Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 29/10/2020. Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa. HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Ông Cù Văn Th và anh Cù Quốc Th tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Cụ thể: Do ông Cù Tân X chết phát sinh những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Hà Thị B (vợ ông X), anh Cù Quốc Th (con ruột ông X) và ông Cù Văn Th (cha ruột ông X). Các ông bà có quyền lợi, nghĩa vụ trong vụ án thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại để đảm bảo số nợ vay với Quỹ tín dụng. Trong quá trình tố tụng Quỹ tín dụng nhân dân Cần Đ không yêu cầu ông Cù Quốc Th và ông Cù Văn Th liên đới trách nhiệm trả nợ, chỉ yêu cầu bà Hà Thị B vợ ông X trả nợ. Trong trường hợp bà B không thực hiện nghĩa vụ Th toán nợ thì Quỹ tín dụng căn cứ theo hợp đồng thế chấp số quyền sử dụng đất số 0717/17/HĐTC ngày 03/10/2017 giữa Quỹ tín dụng nhân dân Cần Đ với bà Bé, ông X. Tài sản thế chấp là phần diện tích đất 336,6m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành W283340, sổ vào sổ cấp giấy 07060QSĐĐ/dG do UBND huyện Châu Thành cấp ngày 16/12/2002 cho hộ ông Cù Tân X để xử lý tài sản đảm bảo thi hành án. Căn cứ Điều 5 BLTTDS 2015 quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự HĐXX không xem xét trách nhiệm đối với ông Th và anh Th.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện hợp đồng tín dụng số 717/2017/HĐTDNT/QTĐ.CĐ ngày 17/06/2016; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0717/17/HĐTC ngày 03/10/2017 giữa Quỹ tín dụng với ông X, bà B được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên đây là hợp đồng tín dụng hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Căn cứ theo hợp đồng tín dụng đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Trong quá trình thực hiện hợp đồng phía bà B không thực hiện nghĩa vụ trả vốn, lãi suất đúng hạn cho Quỹ tín dụng để phát sinh nợ quá hạn là vi phạm nghĩa vụ của người vay theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết.

Nay Quỹ tín dụng Cần Địch yêu cầu khởi kiện đối với bà Hà Thị B cụ thể: yêu cầu bà B thanh toán số tiền vốn vay là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng). Số tiền lãi tạm tính đến ngày 30/10/2020 là lãi trong hạn là 2.325.700đ (Hai triệu, ba trăm hai mươi lăm ngàn, bảy trăm đồng); Lãi quá hạn số tiền là 5.033.100đ (Năm triệu, không trăm ba mươi ba ngàn, một trăm đồng). Tổng số tiền lãi là 7.358.800đ (Bảy triệu, ba trăm năm mươi tám ngàn, tám trăm đồng). Do đó, yêu cầu bà B có trách nhiệm trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Cần Địch tổng số tiền vốn lãi tạm tính đến ngày 30/10/2020 số tiền là 47.358.800đ (Bốn mươi bảy triệu, ba trăm năm mươi tám ngàn, tám trăm đồng). Bà B vi phạm nghĩa vụ Thanh toán nên phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa Thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo các hợp đồng tín dụng cho đến khi bà B Thanh toán xong khoản nợ gốc là phù hợp với Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 280, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010, xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân Cần Địch

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Hà Thị B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Cù Quốc Th có ý kiến không đồng ý duy trì hợp đồng thế chấp đã ký. Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0717/17/HĐTC ngày 03/10/2017 giữa Quỹ tín dụng với ông X, bà Bé. Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng thế chấp trên được ký kết nhằm đảm bảo nghĩa vụ Thanh toán nợ của hộ ông X với Quỹ tín dụng Cần Địch. Hợp đồng này ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa các bên. Chứng cứ thể hiện trong hồ sơ đối với hợp đồng thế chấp giấy chứng nhận QSDĐ cấp cho hộ thì giữa ông X, bà B với anh Th có xác lập hợp đồng ủy quyền số 511, quyền số 01/2017.TP/CC-SCT/HĐGD ngày 02/10/2017 tại UBND xã Cần Địch thể hiện ý chí của anh Th trong hồ sơ vay vốn tại Điều 1 về phạm vi ủy quyền. Hợp đồng thế chấp giữa các bên có chứng thực tại UBND xã Cần Địch ngày 03/10/2017 và được Đăng ký thế chấp theo quy định pháp luật nên Hợp đồng thế chấp trên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành theo Điều 319 Bộ luật dân sự 2015. Hợp đồng thế chấp có Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Châu Thành tỉnh An Giang ngày 03/10/2017. Ngoài ra, Tòa án tiến hành xác minh thu thập chứng cứ xem xét thẩm định tại chỗ để xem xét hiện trạng phần diện tích đất thế chấp giữa các bên đương sự. Nội dung biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/6/2020 thể hiện trên phần diện tích đất thế chấp có 01 căn nhà ngang 4m,

dài 12m, kết cấu nền gạch ceramic, trụ bê tông cốt thép, sàn gỗ, cột gỗ, khung gỗ, vách và mái tole. Căn nhà và đất trên đang do ông Thố, bà B và anh Th quản lý sử dụng. Theo các Hợp đồng đã ký kết trong trường hợp ông X, bà B không Th toán nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân Cần Đ thì Quỹ tín dụng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 320, Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, ý kiến của bà B và anh Th không được HĐXX xem xét

Đối với yêu cầu của bà Bé, anh Th về phương thức Th toán số nợ trên cho Quỹ tín dụng Cần Đ theo phương thức trả dần chỉ trả số tiền vốn. Riêng số tiền lãi suất xin Quỹ tín dụng xem xét không tính lãi suất nhằm tạo điều kiện cho bà B và ông Th trả nợ. Đối với yêu cầu của ông bà sẽ được xem xét giải quyết trong giai đoạn thi hành án.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của Quỹ tín dụng được chấp nhận nên bà Hà Thị B phải chịu án phí theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Cần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp

[4] Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 710.000 đồng (theo biên bản quyết toán ngày 16/7/2020). Yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân Cần Đ được chấp nhận nên bà B phải có trách nhiệm hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Cần Đ số tiền 710.000đ (Bảy trăm mười ngàn đồng)

[5] Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 158 ; Điều 227; Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Điều 463; Điều 466; Điều 615 Bộ luật dân sự;
- Khoản 14, 16 Điều 4, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân Cần Đ

[1] Buộc bà Hà Thị B có trách nhiệm trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Cần Đ số tiền vốn vay là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Tổng số tiền lãi tạm tính đến

ngày 30/10/2020 là 7.358.800đ(Bảy triệu,ba trăm năm mươi tám ngàn,tám trăm đồng).Trong đó lãi trong hạn số tiền là 2.325.700đ(Hai triệu,ba trăm hai mươi lăm ngàn,bảy trăm đồng); Lãi quá hạn số tiền là 5.033.100đ(Năm triệu, không trăm ba mươi ba ngàn,một trăm đồng). Tổng số tiền vốn và lãi tạm tính đến ngày 30/10/2020 số tiền là 47.358.800đ(Bốn mươi bảy triệu,ba trăm năm mươi tám ngàn,tám trăm đồng)

Buộc bà Hà Thị B có trách nhiệm trả tiền lãi phát sinh từ ngày 31/10/2020 trên số dư nợ gốc, theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 717/2017/HĐTDNT/QTĐ.CĐ ngày 17/06/2016 cho đến khi Th toán dứt điểm số tiền nợ.

[2] Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0717/17/HĐTC ngày 03/10/2017 được ký kết giữa Quỹ tín dụng nhân dân Cần Đ với hộ ông Cù Tân X để đảm bảo cho việc thi hành án khoản tiền nêu trên.

[3] Về chi phí tố tụng:

Bà Hà Thị B có trách nhiệm trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Cần Đ số tiền 710.000đ(Bảy trăm mười ngàn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hà Thị B phải chịu số tiền 2.368.000đ (Hai triệu, ba trăm sáu mươi tám ngàn đồng) án phí DSST

Hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Cần Đ số tiền 1.028.000đ(Một triệu, không trăm hai mươi tám ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006733 ngày 27/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, An Giang

[5] Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người

được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Ngô Thùy Trang